Mẫu số 03

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# LÝ LỊCH KHOA HỌC

*(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)*



## 1. Thông tin chung

- Họ và tên: ..... **NGUYỄN VĂN THANH** .....
- Năm sinh: ..... **24/07/1954** .....
- Giới tính: .....**Nam** .....
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): **Tiến sĩ**.....
**cấp năm: 2000, Học viện Nông nghiệp Việt Nam** .....
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): .....
**Giáo sư, bổ nhiệm năm 2020, tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam** .....
- Ngành, chuyên ngành khoa học: .....**Thú y/Thú y**.....
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): **Giảng viên, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam**.....
- Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng bộ môn Ngoại sản, Khoa Thú y** .....
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):

**2013 Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường đại Học Nông nghiệp Hà Nội**

**2014 Hội đồng Giáo sư cơ sở Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):.....

.....

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):.....

.....

## 2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu *(thuộc chuyên ngành đang hoạt động)*

### *2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình*

a) Tổng số sách đã chủ biên: **03** giáo trình.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất *(tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).*

Mẫu số 03

| STT | Tên giả giả | Tên sách | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Mã số ISBN | Chỉ số trích dẫn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | **Nguyễn Văn Thanh**, Vũ Như Quán, Nguyễn Hoài Nam | Bệnh của chó, mèo | NXB-Đại học Nông nghiệp | 2012 | | 4 |
| 2. | **Nguyễn Văn Thanh**, Trần Tiến Dũng, Sử Thanh Long, Nguyễn Thị Mai Thơ | Bệnh sinh sản gia súc | NXB-Đại học Nông nghiệp | 2016 | 978-604-924-257-1 | |
| 3. | **Nguyễn Văn Thanh**, Trần Tiến Dũng, Sử Thanh Long, Nguyễn Thị Mai Thơ, Nguyễn Công Toản, Hoàng Kim Giao | Công nghệ sinh sản vật nuôi | NXB-Đại học Nông nghiệp | 2017 | 978-604-924-294-6 | |

### *2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học*

a) Tổng số đã công bố: **100** bài báo tạp chí trong nước; **15** bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất *(tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có):*

| TT | Tên tác giả | Tên công trình | Tên tap chí | Năm công bố | Chỉ số IF và trích dẫn |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Trong nước** | | | | |
| 1. | Nguyễn Hữu Cường, **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Thị Dịu | Tình hình bệnh sản khoa ở đàn lợn nái ngoại khu vực đồng bằng sông Hồng và thử nghiệm điều trị | Khoa học kỹ thuật thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXII /1, 77-83 | 2015 | |
| 2. | **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Thị Mai Thơ, Bùi Văn Dũng, Trịnh Đình Thâu, Nguyễn Thị Kim Lan | Xác định thời điểm phối giống thích hợp cho giống chó Phú Quốc | Khoa học kỹ thuật thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXII /8, 39- 43 | 2015 | |
| 3. | Phùng Quang Trường, Tăng Xuân Lưu, **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Hoài Nam. | Một số bệnh sinh sản thường gặp và kết quả điều trị bệnh viêm tử cung của lợn rừng trong điều kiện nuôi nhốt | KH Nông nghiệp Việt Nam, 14/6, 885-890 | 2016 | |
| 4. | Phùng Quang Trường, Tăng Xuân Lưu, **Nguyễn Văn Thanh**, Vũ Như Quán. | Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh sản trên lợn rừng nhập từ Thái lan được nuôi từ Ba Vì – Hà Nội | KHKT Chăn nuôi, 12 [201], 59-64 | 2015 | |
| 5. | Phùng Quang Trường, **Nguyễn Văn Thanh**, Tăng Xuân Lưu, Vũ Như Quán. | Wild boar's semen quality and their insemination | KHKT Chăn nuôi, 209, 90-95 | 2016 | |
| 6. | **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Thanh Hải | Nghiên cứu ảnh hưởng của dung môi đến hiệu suất chiết và tác dụng diệt khuẩn *invitro* của cao khô dịch chiết cây đơn đỏ *(Excoecaria* | Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 285, 90-96 | 2016 | |

Mẫu số 03

| TT | Tên tác giả | Tên công trình | Tên tạp chí | Năm công bố | Chỉ số IF và trích dẫn |
|---|---|---|---|---|---|
| | | *cochinchinensis* Lour*)* với vi khuẩn *Staphylococcus spp và Streptococcus spp*, phân lập từ dịch viêm tử cung bò | | | |
| 7. | **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Hoài Nam | Bệnh tiểu đường: Bệnh tiểu đường ở chó: Dịch tễ học, Chẩn đoán và Điều trị. | Khoa học kỹ thuật thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXIII/4, 83 -87 | 2016 | |
| 8. | Nguyễn Hoài Nam, **Nguyễn Văn Thanh** | Một số yếu tố liên quan tới viêm tử cung sau đẻ ở lơn nái | KH Nông nghiệp Việt Nam, 14/5, 720- 726. | 2016 | |
| 9. | Nguyễn Thanh Hải, **Nguyễn Văn Thanh** | Nghiên cứu tác dụng ức chế *invitro* của cao khô dịch chiết dược liệu trên vi khuẩn *Staphylococcus aureus, Streptococcus spp.* và *E.coli* phân lập từ dịch viêm tử cung chó và thử nghiệm điều trị | Khoa học kỹ thuật thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXIII /4, 26-36 | 2016 | 1 |
| 10. | **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Hoài Nam, Lê Văn Hùng, Nguyễn Ngọc Sơn | Thành phần, số lượng và tính mẫn cảm với một số thuốc kháng sinh của một số vi khuẩn phân lập từ dịch viêm tử cung bò | KHKTNN Việt Nam, 14/5, 720-726 | 2016 | |
| 11. | Nguyễn Ngọc Sơn, **Nguyễn Văn Thanh**, Trịnh Đình Thâu, Nguyễn Hoài Nam | Một số yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ mắc bệnh viêm tử cung bò sữa | KHKT Chăn nuôi, 212,87-91 | 2016 | |
| 12. | **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Công Toản | Thành phần, số lượng và tính mẫn cảm của một số vi khuẩn phân lập từ dịch đường sinh dục lợn nái mắc hội chứng MMA | Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 24, 97-102 | 2016 | |
| 13. | **Nguyễn Văn Thanh**, Đinh Thị Yên | Thực trạng bệnh viêm ruột tiêu chảy ở chó nuôi tại huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh và thử nghiệm điều trị | Khoa học kỹ thuật thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXIII /8, 37-42 | 2016 | |
| 14. | Ngô Thành Trung, **Nguyễn Văn Thanh**, Trần Thị Chi, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Chí Cường | Nghiên cứu đông lạnh nhanh tinh gà Liên Minh | KHKT Chăn nuôi. Hội Chăn nuôi, 214, 79-85 | 2016 | |
| 15. | Trần Văn Nên, Nguyễn Thị Lan, **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Hữu Nam | Một số chỉ tiêu lâm sàng, sinh lý máu và đặc điểm bệnh lý chủ yếu của chó lai Béc giê mắc bệnh Carê trên địa bàn Hà Nội | Khoa học kỹ thuật thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXIII/ 8, 21-29 | 2016 | |
| 16. | Phạm Thị Lan Hương, **Nguyễn Văn Thanh**, Phạm Ngọc Thạch, Chu Đức Thắng | Nghiên cứu một số chỉ tiêu huyết học chó mắc bệnh còi xương | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXIII/ 8, 64 -69 | 2016 | |

**Mẫu số 03**

| TT | Tên tác giả | Tên công trình | Tên tạp chí | Năm công bố | Chỉ số IF và trích dẫn |
|---|---|---|---|---|---|
| 17. | **Nguyễn Văn Thanh** | Một số chỉ tiêu sinh sản của giống chó Berger Đức nuôi ở phía Bắc Việt Nam | KHKT Chăn Nuôi, 216, 84-88 | 2016 | |
| 18. | Ngô Thành Trung, **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Đức Trường, Trần Thị Chi, Nguyễn Chí Cường, Nguyễn Thị Hà | Đánh giá đặc tính sinh học và hiệu quả bảo quản tinh chó Bully trong môi trường chứa ascorbic acid và lòng đỏ trứng gà ở 5 $^0$C | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXIV/4, 72-83 | 2017 | |
| 19. | Sử Thanh Long, **Nguyễn Văn Thanh**, Vương Tuấn Phong | Kết quả định lượng progesterone huyết thanh khi đặt mẫu vong tẩm progesterone vào âm đạo bò cắt buồng trứng | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XIX/2, 70-75 | 2017 | |
| 20. | **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Thị Thanh Hà | Thực trạng bệnh ở đường sinh dục và thử nghiệm điều trị bệnh viêm tử cung trên đàn trâu cái nội nuôi tại một số địa phương phía Bắc Việt Nam | Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 15/7, 919-925 | 2017 | |
| 21. | Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Nam Phương, **Nguyễn Văn Thanh** | Tác dụng của cao khô dịch chiết thảo dược trên vi khuẩn *Staphylocccus spp* và *Streptococcus spp* phân lập từ dịch viêm tử cung bò | Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 15/7, 876-884 | 2017 | |
| 22. | Ngô Thành Trung, Trần Thị Chi, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Đức Trường, **Nguyễn Văn Thanh** | Đông lạnh nhanh tinh gà Đông Tảo | Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 15/7, 868-875 | 2017 | |
| 23. | Nguyễn Hoài Nam, **Nguyễn Văn Thanh** | Một số yếu tố liên quan tới thời gian chảy sản dịch ở lợn nái | KHKTNN Việt Nam, 15/10, 1332-1338 | 2017 | |
| 24. | Phạm Thị Lan Hương, **Nguyễn Văn Thanh**, Phạm Ngọc Thạch | Thực trạng bệnh còi xương trên chó tại một số tỉnh miền Bắc và thử nghiệm điều trị | Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 15/6, 764-769 | 2017 | |
| 25. | Nguyễn Ngọc Sơn, **Nguyễn Văn Thanh** | Thực trạng bệnh viêm tử cung ở bò sữa trong chăn nuôi nông hộ và một số phác đồ điều trị | Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 15/7, 885-890 | 2017 | |
| 26. | Nguyễn Thị Mai Thơ, Nguyễn Hoài Nam, **Nguyễn Văn Thanh** | Nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh sản của giống chó H'Mông cộc đuôi nuôi tại phía Bắc Việt Nam | KHKT Chăn Nuôi, 222, 90-94 | 2017 | |
| 27. | Nguyễn Công Toản, **Nguyễn Văn Thanh** | Một số yếu tố ảnh hưởng đến viêm tử cung trên lợn nái lai ngoại nuôi tại vùng đồng bằng sông Hồng | KHKT Chăn Nuôi, 227, 87-91 | 2017 | |
| 28. | Nguyễn Hoài Nam, **Nguyễn Văn Thanh** | Ảnh hưởng của lứa đẻ đến một số chỉ tiêu năng xuất sinh sản ở lợn nái | Nông nghiệp Phát triển Nông thôn, 1/1, 74-78 | 2018 | |
| 29. | **Nguyễn Văn Thanh** | Nghiên cứu tác dụng ức chế *in* | KHKT Chăn | 2018 | |

**Mẫu số 03**

| TT | Tên tác giả | Tên công trình | Tên tạp chí | Năm công bố | Chỉ số IF và trích dẫn |
|---|---|---|---|---|---|
| | | *vitro* trên vi khuẩn gây bệnh viêm tử cung bò của dịch chiết cây bồ công anh (*Lactuca indica L.*) khi kết hợp cùng nano bạc | Nuôi, 1/231, 57-65 | | |
| 30. | **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Thị Thanh Hà | Một số bệnh thường gặp ở đường sinh dục và thử nghiệm điều trị bệnh thể vàng tồn lưu trên đàn bò sữa nuôi tại một số địa phương thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXV /2, 64- 69 | 2018 | |
| 31. | Giang Hoàng Hà, Phạm Văn Giới, **Nguyễn Văn Thanh**, Sử Thanh Long | Bước đầu ứng dụng vòng ProB để gây động dục trên đàn bò Phù Đổng, Hà Nội | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXV/2, 69 - 76 | 2018 | |
| 32. | **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Thị Thanh Hà | Bệnh viêm tử cung sau đẻ ở đàn chó giống Berger Đức nuôi tại một số tỉnh phía Bắc Việt Nam và thử nghiệm điều trị | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXV /4, 68-74 | 2018 | |
| 33. | **Nguyễn Văn Thanh** | Ảnh hưởng của viêm tử cung đối với thời gian chảy sản dịch sau đẻ ở bò sữa | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXV /5, 74-78 | 2018 | |
| 34. | Nguyễn Ngọc Sơn, **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Thị Phương Thúy | Kết quả bước đầu sử dụng sử dụng chế phẩm có nguồn gốc thảo dược để phòng và điều trị bệnh viêm tử cung ở bò sữa | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXV /5, 65-73 | 2018 | |
| 35. | Nguyen Hoai Nam, **Nguyen Van Thanh** | Application of silk fibroin in tissue engineering | Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics (JAHST), 235, 66- 73 | 2018 | |
| 36. | Nguyen Hoai Nam, **Nguyen Van Thanh** | Biocompatibility and biodegradability of silk fibroin | Journal of Animal Husbandry Sciences and Technics (JAHST), 235, 79 – 83 | 2018 | |
| 37. | Trịnh Đình Thâu, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Bá Hiên, Nguyễn Hữu Nam, Lê Huỳnh Thanh Phương, **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Văn Thọ, Phạm Ngọc Thạch, Phạm Hồng Ngân, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Nguyễn Thị Hoa | Nghiên cứu tạo chủng virus gây Hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản nhược độc từ chủng cường độc | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXV /6, 5 -16 | 2018 | |

**Mẫu số 03**

| TT | Tên tác giả | Tên công trình | Tên tạp chí | Năm công bố | Chỉ số IF và trích dẫn |
|---|---|---|---|---|---|
| 38. | **Nguyễn Văn Thanh** | Tác dụng ức chế của cao dịch chiết cây Sài đất Wedelia chinenensis (osbeck) merr phối hợp cùng nano bạc trên vi khuẩn viêm tử cung chó | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXV/8, 63-72 | 2018 | |
| 39. | **Nguyễn Văn Thanh** | Bệnh viêm tử cung sau đẻ trên đàn bò sữa nuôi tại một số địa phương phía Bắc Việt Nam | KHKT Chăn nuôi<br>Hội Chăn nuôi Việt Nam, 246, 73-78 | 2019 | |
| 40. | Trần Hữu Côi, Ngô Quang Đức, Bùi Xuân Phương, Phạm Thanh Hải, **Nguyễn Văn Thanh** | Một số đặc điểm hành vi của giống chó bản địa dạng sói trong lựa chọn huấn luyện nghiệp vụ | KHKT Chăn nuôi<br>Hội Chăn nuôi Việt Nam, 245, 83-88 | 2019 | |
| 41. | Phạm Thanh Hải, Bùi Xuân Phương, Trần Hữu Côi, Ngô Quang Đức, Hồ Thị Loan, **Nguyễn Văn Thanh** | Đặc điểm đa hình vùng D-Loop của giống chó dạng sói ứng<br>dung cho công tác chọn giống | KHKT Chăn nuôi<br>Hội Chăn nuôi Việt Nam, 246, 28-35 | 2019 | |
| 42. | Trần Thị Chi, Vũ Hải Yến, Nguyễn Tuấn Dũng, **Nguyễn Văn Thanh** | Nghiên cứu đông lạnh nhanh tinh dịch chó Phú Quốc | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXVI/ 4, 62-68 | 2019 | |
| 43. | Ngô Thanh Trung, Trần Thị Chi, Vũ Hải Yến, Vũ Thị Loan, **Nguyễn Văn Thanh** | Nghiên cứu bổ sung bột sữa gầy và vitamin C trong môi trường bảo quản dạng lỏng tinh dịch chó phú Quốc | KHKT thú y. Hội Thú y Việt Nam, XXVI /4, 69-74 | 2019 | |
| 44. | Ngo Thanh Trung, Tran Thi Chi, Tran Ngoc Trang, Vu Hai Yen, Bui Quang Tai, Nguyen Van Thanh | A study of adding skimmed milk powder in three semen freezing extenders in Phu Quoc dogs | KHKT Chăn nuôi<br>Hội Chăn nuôi Việt Nam, 246, 28-35 | 2019 | |
| 45. | Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Thị Thùy Linh, Nguyễn Đức Trường, Ngô Thành Trung, **Nguyễn Văn Thanh**, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Thị Thanh Hà | Sử dụng dược liệu sâm cau (Curculigo orchioides) và nhục thung dung (Herba Cistanches Caulis Cistanchis) nâng cao chất lượng của tinh dịch, tinh trùng chó đực giống American Bully | Tạp chí KH Nông nghiệp Việt Nam 2019, tập 17, số 6: 502-508. | 2019 | |
| **II** | **Quốc tế** | | | | |
| 1. | Nguyen Thanh Hai, **Nguyen Van Thanh**, Bui Thi Tho, Miyamoto Atsushi | A study about anthelmintic effect of punica Gramatum Bark on veterinary endoparasites | Asian J Pharm Clin Res., 7/2, 148-153 | 2014 | SCOPUS H=26<br>4 |
| 2. | **Nguyen Van Thanh**, Nguyen | The effect of Garlic (allium | International | 2015 | 1 |

**Mẫu số 03**

| TT | Tên tác giả | Tên công trình | Tên tap chí | Năm công bố | Chỉ số IF và trích dẫn |
|---|---|---|---|---|---|
| | Thanh Hai, Bui Thi Tho, Miyamoto Atsushi | sattivum L.) Bulbs and Ginger (zinger officinale) extracts on Escherichia coli spp isolated from dick diarrhea sydrome | journal of Medical reseach Pharmacuetical Science, 2/2, 8-12 | | |
| 3. | **Nguyen Van Thanh**, Nguyen Thanh Hai, Dam Quang Thai, Miyamoto Atsushi | Study on the inhibition effects of some Vietnamese traditional medicinal on egg hatching and laval movement of goat Haemonchus contortus | International journal of Medicinal Plants Reseach ISSN 2169 – 303X Pharmacuetical, 4/1, 309-313 | 2015 | |
| 4. | **Nguyen Van Thanh**, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Ngoc Son, Bui Van Dung, Miyamoto Atsushi | A study about mastitis infection characteristics in dairy cow of Bavi, Hanoi,Vietnam | Asian J Pharm Clin Res.,8/3, 165-168 | 2015 | SCOPUS H=26 3 |
| 5. | Ha Thi Thanh Nguyen, Hai Thanh Nguyen, Md. Zahorul Islam, Takeshi Obi, Pitchaya Pothinuch, Phyu Phyu Khine Zar, De Xing Hou, **Thanh Van Nguyen**, Tuong Manh Nguyen, Cuong Van Dao, Mitsuya Shiraishi, Atsushi Miyamoto. | Pharmacological characteristics of Artemisia vulgaris L. in isolated porcine basilar artery. | Journal of Ethnopharmacology, 82/22, 16-26 | 2016 | SCI IF=3.05 11 |
| 6. | Ha Thi Thanh Nguyen, Hai Thanh Nguyen, Md. Zahorul Islam, Takeshi Obi, Pitchaya Pothinuch, **Thanh Van Nguyen**, Tuong Manh Nguyen, Cuong Van Dao, Mitsuya Shiraishi, Atsushi Miyamoto | Antagonistic Effects of Gingko biloba and Sophora japonica on Cerebral Vasoconstriction in Response to Histamine, 5-Hydroxytryptamine, U46619 and Bradykinin | The American Journal of Chinese Medicine, 4/8, 1607-1625 | 2016 | SCIE IF=2.95 9 |
| 7. | **T.V.Nguyen**, F.Tanihara, LTK Do, Y Sato, M Taniguchi, M Takagi, **T Van Nguyen**, T Otoi. | Chlorogenic acid supplementation during in vitro maturation improves maturation, fertilization and developmental competence of porcine oocytes | Reproduction in Domestic Animals, 2017; 00:1-7. | 2017 | SCIE IF=1.6 12 |
| 8. | Thanh – Van Nguyen, Fuminori Tanihara, maki Hirata, Takayuki Hirano, Katsutoshi Nishio, Lanh Thi Kim Do, **Thanh Van Nguyen**, Masahiro Nii, Takeshige Otoi. | Effects of antifreeze protein supplementation on the development of porcin morulae stored at hypothermic tempreatures | Cryoletters, 39/2, 131-136 | 2018 | SCI IF=0.8 4 |
| 9. | Thanh – Van Nguyen, Minita Wittayarat, Lanh Thi Kim Do, **Thanh Van Nguyen**, Masahiro Nii, Zhao Namula, Toshiki Kunihara, Fuminori Tanihara, Maki Hirata,Takeshige Otoi. | Effects of chlorogenic acid (CGA) supplementation during invitro maturation culture on the development and quality of porcine embryos with electroporation treatment after in vitro fertilization | Animal Science Journal, , 89/8, 1207-1213 | 2018 | SCIE IF=1.3 2 |
| 10. | **Nguyen Van Thanh**, Trinh Thi Trang, Nguyen Thanh Hai | Isolation and Evaluation of Antimicrobial Activity of | Biological Forum – An | 2019 | ISI |

Mẫu số 03

| TT | Tên tác giả | Tên công trình | Tên tạp chí | Năm công bố | Chỉ số IF và trích dẫn |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Endophytic Actinobacteria from horsetail Plant (Equisetum diffusum D. Don) against Bacterial Disease in Aquatic Animals | International Journal 11(1): 149-155(2019). | | |
| 11. | **Nguyen Van Thanh**, Nguyen Thanh Hai | Study on antibacterial effects of several Vietnamese medicine plants and their relationships with polyphenol contents | Asian J Pharm Clin Res, Vol 12, Issue 4, 2019, 257-265. | 2019 | SCOPUS H=26 |
| 12. | Nguyen Thanh Hai, Miyamoto Atsushi, Ha Thi Thanh Nguyen, **Thanh Van Nguyen** | A study on anthelmintic and antibacterial effects of extracts from chinese honeysuckle (quisqualis indica l) seeds and areca (areca catechu) nuts | Asian J Pharm Clin Res, Vol 12, Issue 6, 2019, 88-92 | 2019 | SCOPUS H=26 |

***2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ*** *(chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)*

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm:..**01** ...cấp Nhà nước; **02** cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất *(tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài):*

| TT | Tên đề tài | Mã số | Thời gian thực hiện | Cấp quản lý đề tài | Trách nhiệm tham gia trong đề tài |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Nghiên cứu sản xuất chế phẩm có nguồn gốc thảo dược phòng và tri bệnh viêm tử cung bò | ĐTĐL CN - 52/15 | 2015-2018 | Nhà nước | Chủ nhiệm |
| 2. | Sản xuất, phát triển một số giống cây trồng vật nuôi ở Quần đảo Trường Sa | 48/HĐ-VNNMN | 2015-2016 | Bộ NN&PTNT | Chủ nhiệm đề tài nhánh |

***2.4. Công trình khoa học khác*** *(nếu có)*

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có:....**01**..... sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có:....**0**..... tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: ....**0**..... thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây *(tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp):*

Mẫu số 03

| TT | Tên tác giả | Tên công trình, | Số hiệu văn bằng, | Tên cơ quan cấp |
|---|---|---|---|---|
| 1. | Sử Thanh Long, **Nguyễn Văn Thanh**, Trịnh Đình Thâu, Nguyễn Bá Tiếp, Vũ Như Quán, Tô Xuân Hằng, Nguyễn Đức Trường, Nguyễn Thị Thoa, Tăng Xuân Lưu, Bùi Duy Quang | Quy trình sử dụng vòng tẩm Progesterone do Việt Nam sản xuất | TBKT 1-74:2018/BNN PTNT | Cục chăn nuôi, Bộ NN&PTNT; QĐ số 144/QD-CN-GSL ngày 20/4/2018 |

***2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ***

a) Tổng số: **05** NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất *(Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn):*

| TT | Họ và tên NCS | Đề tài luận án | Cơ sở đào tạo | Năm bảo vệ thành công | Vai trò hướng dẫn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Phùng Thế Hải | Đánh giá khả năng xuất tinh của bò đực Bos indicus (Brahman Red Sindhi) và Bos taurus (Holstein Friesian Red Angus) tại Việt Nam | HVNNVN | 2013 | Chính |
| 2. | Nguyễn Thị Hồng Minh | Nghiên cứu sự biến đổi của một số chỉ tiêu lâm sàng, phi lâm sàng và thử nghiệm biện pháp phòng, trị hội chứng viêm tử cung, viêm vú (M.M.A) ở lợn nái sinh sản | HVNNVN | 2014 | Chính |
| 3. | Phùng Quang Trường | Nghiên cứu xác định một số chỉ tiêu sinh sản và thử nghiệm thụ tinh nhân tạo cho lợn rừng trong điều kiện nuôi nhốt tại khu vực phía bắc Việt Nam | HVNNVN | 2016 | Chính |
| 4. | Trần Văn Nên | Nghiên cứu một số đặc điểm bệnh lý chủ yếu của bệnh Care trên chó, đặc điểm sinh học và sinh học phân tử của virus Care phân lập được tại một số tỉnh phía Bắc Việt Nam | HVNNVN | 2017 | Phụ |
| 5. | Phạm Thị Lan Hương | Đặc điểm bệnh lý còi xương ở chó và biện pháp điều trị | HVNNVN | 2018 | Chính |
| 6. | Nguyễn Ngọc Sơn | Nghiên cứu sử dụng chế phẩm nguồn gốc thảo dược phòng và trị bệnh viêm tử cung ở bò sữa | HVNNVN | 2019 | Chính |

**3. Các thông tin khác**

***3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình*** *(Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):*

.....

.....

***3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước*** *(nếu có):*

.....

.....

***3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn*** *(nếu có):*

***Hồ sơ Google scholar:***

https://scholar.google.com.vn/citations?user=zhEolwUAAAAJ&hl=vi

***H-index = 5***

***3.4. Ngoại ngữ***

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: tiếng Anh .....
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: thông thạo.....

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.*

**XÁC NHÂN CỦA CƠ QUAN**
*(Đối với cá nhân đang công tác)*

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**Lê Ngọc Tú**

*Hà Nội..., ngày 15 tháng 5 năm 2020*
**NGƯỜI KHAI**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Nguyễn Văn Thanh